



CÔNG TÁC QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

PROGRESS MANAGEMENT OF INDUSTRIAL CLUSTER CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECTS IN HAI PHONG CITY

Trần Anh Toán¹, TS. Phạm Văn Bộ²

Tóm tắt: Nghiên cứu tập trung vào công tác quản lý tiến độ triển khai các dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Trên cơ sở phân tích thực trạng, nghiên cứu chỉ ra những kết quả đạt được trong phát triển hạ tầng, thu hút đầu tư và tạo việc làm, đồng thời làm rõ các hạn chế như tiến độ chậm, thủ tục hành chính còn phức tạp, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ và công tác giám sát môi trường chưa chặt chẽ. Từ đó, nghiên cứu đề xuất hệ thống giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao năng lực chủ đầu tư, cải thiện cơ chế phối hợp, đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kết nối và tăng cường quản lý môi trường, góp phần phát triển các cụm công nghiệp của thành phố.

Từ khóa: Quản lý tiến độ, dự án đầu tư xây dựng, cụm công nghiệp, giải phóng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật.

Abstract: The study focuses on progress management of industrial cluster construction investment projects in Hai Phong City. Based on an analysis of the current situation, it highlights the achievements in infrastructure development, investment attraction, and employment creation, while also identifying limitations such as delayed progress, complicated administrative procedures, difficulties in site clearance, inadequate technical infrastructure, and insufficient environmental monitoring. Therefore, the study proposes a set of key solutions, including

strengthening the capacity of infrastructure investors, improving coordination mechanisms, accelerating site clearance, completing infrastructure connectivity, and enhancing environmental management, contributing to the development of industrial clusters in the city.

Keywords: Progress management, construction investment project, industrial cluster, site clearance, technical infrastructure.

Nhận bài ngày 10/7/2025, chỉnh sửa ngày 15/8/2025, chấp nhận đăng ngày 10/9/2025.

1. Giới thiệu

Thực hiện Nghị quyết 202/2025/QH15, thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương được hợp nhất thành thành phố Hải Phòng với diện tích 3.194,72 km², dân số 4,66 triệu người, giáp Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh và Biển Đông.

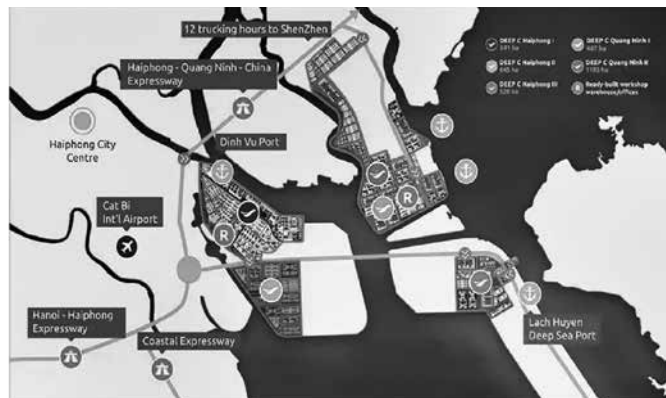
Quy hoạch phát triển 2021–2030, tầm nhìn 2050 định hướng Hải Phòng trở thành “cửa chính ra biển” miền Bắc, trung tâm kinh tế biển hiện đại, công nghiệp – dịch vụ tiên tiến và nông nghiệp công nghệ cao. Thành phố chú trọng liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển, gắn công nghiệp hóa với đô thị hóa, ưu tiên hạ tầng giao thông, logistics và hạ tầng số để thúc đẩy kinh tế số, xã hội số và chính quyền số. Đến năm 2050, mục tiêu là cảng biển tầm khu vực và quốc tế với ba trụ cột: Dịch vụ cảng biển – logistics, công nghiệp xanh – thông minh, và du lịch biển quốc tế.

¹ Trần Anh Toán - UBND xã Vĩnh Hải, Thành phố Hải Phòng

² Phó Giám đốc Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng

Email: ¹ trananhtoan.vinhhai@haiphong.gov.vn

Phát triển công nghiệp, đặc biệt cụm công nghiệp (CCN), có vai trò then chốt trong thu hút doanh nghiệp, tạo việc làm và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, quy hoạch, lựa chọn nhà đầu tư và triển khai hạ tầng CCN còn hạn chế, tỷ lệ đầu tư thấp, tiến độ chậm. Do đó, tăng cường quản lý tiến độ CCN là yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội và chuyển dịch cơ cấu thành phố.



KCN Deep C có vị trí thuận lợi cho các hoạt động giao thương

Mục tiêu nghiên cứu

- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác quản lý tiến độ triển khai các dự án đầu tư xây dựng CCN trong bối cảnh phát triển công nghiệp – đô thị bền vững.
- Phân tích thực trạng, nhận diện thách thức và nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến tiến độ các dự án CCN tại thành phố Hải Phòng.
- Đề xuất các định hướng và giải pháp quản lý tiến độ hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hạ tầng, thu hút đầu tư, và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội địa phương theo hướng bền vững.

Phương pháp nghiên cứu

- Phân tích tài liệu thứ cấp: Nghiên cứu hệ thống văn bản pháp luật, nghị định, quyết định quy hoạch và các báo cáo liên quan đến phát triển CCN.
- Khảo sát và tổng hợp số liệu thực tiễn: Thu thập, đối chiếu thông tin về tiến độ triển khai, diện tích, hạ tầng kỹ thuật và các chỉ tiêu phát triển của các CCN tại thành phố Hải Phòng.
- Phân tích so sánh và đối chiếu: Đánh giá những khác biệt giữa kế hoạch và thực tế triển khai, so sánh tiến độ giữa các CCN, nhận diện điểm nghẽn điển hình.
- Tổng hợp, suy luận logic và khái quát hóa: Từ cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất các giải pháp và định hướng quản lý tiến độ mang tính khả thi, phù hợp đặc thù Hải Phòng.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

2.1. Một số khái niệm cơ bản

- CCN là nơi sản xuất công nghiệp, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống. CCN được đầu tư xây dựng chủ yếu nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất, kinh doanh. CCN có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 10 ha. Riêng

đối với CCN ở các huyện miền núi và CCN làng nghề, quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 05 ha.

- CCN làng nghề là CCN có tối thiểu 60% diện tích đất công nghiệp dành cho việc di dời, mở rộng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề có nghề truyền thống.

- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN là doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc tổ chức được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN.

- Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung của CCN bao gồm: Hệ thống giao thông nội bộ, vỉa hè, cây xanh, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, phòng cháy chữa cháy, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc nội bộ và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ hoạt động chung của CCN.

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN là dự án có sử dụng đất để xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật của CCN; cho các nhà đầu tư thuê đất, thuê lại đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy định của pháp luật.

- Phương án phát triển CCN là việc sắp xếp, phân bổ không gian phát triển các CCN hợp lý, gắn với các chính sách và giải pháp quản lý, đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) trong từng thời kỳ, trên cơ sở bảo vệ môi trường, tiết kiệm và hiệu quả sử dụng đất, nước, cũng như các nguồn lực, tài nguyên khác của địa phương. Phương án phát triển CCN là một nội dung của quy hoạch tỉnh, được xây dựng và tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo pháp luật về quy hoạch.



Nhà máy sản xuất hợp kim và nam châm Nd-Fe-B là dự án đầu tư thứ cấp tiêu biểu tại KCN Nhật Bản - Hải Phòng

2.2. Quá trình quản lý tiến độ triển khai dự án cụm công nghiệp

Việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN thực hiện theo trình tự cơ bản sau:

- Lập, phê duyệt Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng CCN, các thủ tục đầu tư khác (nếu có).
- Lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng CCN.

- Lập, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN và thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án.

- Tổ chức thi công xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật CCN và quản lý vận hành, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi hoàn thành.

Quy trình trên cho thấy công tác quản lý tiến độ triển khai dự án CCN là một chuỗi hoạt động liên hoàn, bắt đầu từ khâu chuẩn bị chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết, lập dự án hạ tầng, đến giai đoạn thi công và vận hành. Mỗi bước đều có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả và thời gian hoàn thành dự án. Do đó, việc tuân thủ đầy đủ, khoa học và đồng bộ các bước là điều kiện tiên quyết để bảo đảm tiến độ, hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả khai thác của CCN trong thực tiễn.



KCN MP Đình Vũ mang lại dự án 22 triệu USD do Công ty Kim Khí Bắc Việt làm chủ đầu tư

3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

3.1. Khái quát tình hình phát triển cụm công nghiệp

Trong tiến trình công nghiệp hóa, CCN được xem là không gian kinh tế quan trọng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp và nâng cao sức cạnh tranh của địa phương. Tại Hải Phòng, chủ trương phát triển CCN nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Thành ủy, HĐND và UBND thành phố, phù hợp định hướng chung của cả nước.

Theo quy hoạch đến năm 2030, Hải Phòng dự kiến hình thành 117 CCN với tổng diện tích 6.960 ha, phân bố:

Khu vực phía Đông: 31 CCN, diện tích 2.150 ha.

Khu vực phía Tây: 76 CCN, diện tích 4.810 ha.

Các CCN có vai trò di dời cơ sở sản xuất nhỏ, hình thành điểm liên kết ngành nghề, xây dựng không gian công nghiệp hiện đại và thân thiện môi trường. Tuy nhiên, thực tế đến nay diện tích CCN đưa vào hoạt động mới đạt khoảng 4,03% quy hoạch, phản ánh khoảng cách lớn giữa định hướng và triển khai.

Mặc dù còn hạn chế, những CCN đã đi vào hoạt động cho thấy hiệu quả bước đầu: Tạo mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, duy trì ngành nghề truyền thống, đóng góp giá trị sản xuất và thu hút một phần đầu tư. Đây là nền tảng để thành phố tiếp tục hoàn thiện hệ thống CCN, hướng tới mục tiêu trung tâm công nghiệp hiện đại, hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu.

3.2. Tiến độ triển khai dự án cụm công nghiệp

Hải Phòng đã triển khai đầu tư hạ tầng CCN tại cả hai khu vực Đông và Tây. Tuy nhiên, tiến độ không đồng đều, nhiều CCN còn chậm trễ trong giải phóng mặt bằng và thu hút đầu tư thứ cấp.

(1) Khu vực phía Đông

Hiện có 19 CCN đang triển khai, trong đó:

06 CCN (194,6 ha) đã hoàn thành hạ tầng và đi vào hoạt động, thu hút 108 dự án, giải quyết việc làm cho khoảng 16.000 lao động.

13 CCN (567,5 ha) mới thành lập, đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng hoặc hoàn thiện thủ tục, chưa thu hút nhiều doanh nghiệp.



KCN Tràng Duệ nằm trong khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải

Bảng 1. Tiến độ triển khai các dự án CCN khu vực phía Đông

STT	Tên dự án	Thời gian chấp thuận đầu tư	Tiến độ triển khai dự án đến tháng 8/2025	Ghi chú
1	CCN Chiến Thắng	Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	Hiện nay đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng (GPMB)	Chưa thu hút doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (DN SXKD)
2	CCN Tiên Cường II	Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 23/02/2022	Đang triển khai xây dựng hạ tầng	Thu hút 09 DN SXKD
3	CCN Giang Biên	Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	Đang triển khai xây dựng hạ tầng	Chưa thu hút DN SXKD
4	CCN Đại Thắng	Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	Đang triển khai xây dựng hạ tầng	Chưa thu hút DN SXKD
5	CCN An Thọ	Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	Đang triển khai GPMB	Chưa thu hút DN SXKD
6	CCN Dũng Tiến - Giang Biên	Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	Đang triển khai GPMB	Chưa thu hút DN SXKD
7	CCN Quang Phục	Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	Đang triển khai GPMB	Chưa thu hút DN SXKD
8	CCN Tân Trào	Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	Đang triển khai GPMB	Chưa thu hút DN SXKD

STT	Tên dự án	Thời gian chấp thuận đầu tư	Tiến độ triển khai dự án đến tháng 8/2025	Ghi chú
9	CCN Làng nghề cơ khí và đúc Th ủy Nguyên	Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	Đang triển khai GPMB	Chưa thu hút DN SXKD
10	CCN Cẩm Văn	Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 9/5/2024	Đang triển khai GPMB	Chưa thu hút DN SXKD
11	CCN Lê Thiện-Đại Bản	Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	Đang triển khai GPMB	Chưa thu hút DN SXKD
12	CCN phụ trợ Tràng Duệ	Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	Đang triển khai GPMB	Chưa thu hút DN SXKD
13	CCN Cửa Hoạt-Quản Thắng	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 03/3/2025	Đang triển khai GPMB	Chưa thu hút DN SXKD

(2) Khu vực phía Tây thành phố

Tiến độ chậm hơn phía Đông: 02 CCN (Lương Điền 40,36 ha và Ba Hàng 46,4 ha) đã hoàn thành hạ tầng, đi vào hoạt động. 06 CCN khác đang giải phóng mặt bằng, làm thủ tục đầu tư.

Như vậy có thể thấy, các CCN đã hoàn thành đầu tư hạ tầng bước đầu phát huy hiệu quả, song số lượng còn rất hạn chế. Phần lớn các CCN mới thành lập vẫn đang dừng ở khâu giải phóng mặt bằng và hoàn thiện thủ tục pháp lý. Điều này phản ánh sự chậm trễ trong tiến độ triển khai, chưa tương xứng với tiềm năng và mục tiêu phát triển công nghiệp của thành phố.

3.3. Đánh giá chung tiến độ triển khai các dự án cụm công nghiệp

3.3.1. Kết quả đạt được

Mạng lưới mở rộng: Hình thành hàng chục CCN ở cả hai khu vực, góp phần phân bổ không gian công nghiệp hợp lý.

Hạ tầng từng bước hoàn thiện: Một số CCN như Vĩnh Niệm, Quán Trữ, Tân Liên, Tiên Lãng... có hạ tầng đồng bộ, tạo nền tảng thu hút đầu tư.

Thu hút đầu tư và việc làm: Hơn 100 dự án thứ cấp, hàng chục nghìn lao động được giải quyết việc làm.

Hiệu ứng lan tỏa: Đóng góp ngân sách, thúc đẩy dịch vụ logistics, hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế.

Hoàn thiện chính sách: Các quyết định thành lập mới theo Nghị định 68/2017 và 32/2024 tạo hành lang pháp lý minh bạch, thu hút vốn xã hội hóa.

3.3.2. Hạn chế tồn tại

Khung pháp lý thiếu đồng bộ, thủ tục thành lập phức tạp.

Chống chéo pháp luật, quy hoạch ngành và đất đai chưa thống nhất.

Khó khăn GPMB, thiếu kết nối hạ tầng ngoài hàng rào.

Thiếu hạ tầng xã hội và dịch vụ công cộng.

Tiến độ di dời cơ sở sản xuất chậm, nhiều cơ sở chưa bố trí tái định cư.

3.3.3. Nguyên nhân chính

Năng lực nhà đầu tư hạn chế, thiếu vốn đối ứng, kinh nghiệm quản lý.

Thủ tục hành chính kéo dài, thay đổi văn bản pháp luật thường xuyên.

Khó khăn GPMB, người dân chưa đồng thuận.

Kết nối hạ tầng yếu, thiếu giao thông thuận lợi, cấp điện - nước chưa hoàn chỉnh.

Chưa đa dạng ngành nghề, thiếu công nghiệp phụ trợ, dịch vụ logistics và nhà ở công nhân.

Môi trường chưa đảm bảo, nhiều dự án chưa có hệ thống xử lý chất thải hoàn chỉnh.

Công tác phát triển CCN ở Hải Phòng đã đạt những kết quả nhất định, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, song tiến độ triển khai còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng và quy hoạch. Nguyên nhân chủ yếu nằm ở hạn chế năng lực nhà đầu tư, thủ tục hành chính phức tạp, công tác GPMB chậm và thiếu đồng bộ hạ tầng.

4. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

4.1. Nâng cao năng lực tài chính và quản lý của chủ đầu tư hạ tầng

Để bảo đảm tiến độ và chất lượng các dự án CCN, việc lựa chọn nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, kinh nghiệm triển khai và quản lý đồng bộ là yếu tố then chốt. Thành phố cần công khai, minh bạch quy trình lựa chọn, ưu tiên nhà đầu tư uy tín.

Chủ đầu tư cần đa dạng hóa nguồn vốn, giảm phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng, thúc đẩy huy động vốn xã hội hóa, liên doanh liên kết, tận dụng chính sách hỗ trợ Nhà nước. Đồng thời, phải nâng cao năng lực quản trị dự án thông qua đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm, áp dụng công nghệ số trong giám sát tiến độ, đảm bảo triển khai đồng bộ và hiệu quả.

4.2. Nâng cao hiệu quả thủ tục hành chính trong triển khai dự án cụm công nghiệp

Thủ tục hành chính hiện là điểm nghẽn lớn, cần được cải cách mạnh mẽ:

Rút ngắn quy trình: Xây dựng cơ chế liên thông giữa các sở, ngành, quy định rõ trách nhiệm và thời hạn xử lý từng thủ tục (quy hoạch, đầu tư mới, giấy phép xây dựng).

Tăng vai trò điều phối: UBND thành phố tổ chức họp liên ngành định kỳ để giải quyết vướng mắc, tạo sự thống nhất trong áp dụng pháp luật.

Hoàn thiện pháp lý địa phương: Ban hành kịp thời hướng dẫn áp dụng văn bản mới, tránh khoảng trống pháp lý.

Ứng dụng công nghệ số: Thực hiện nộp, thẩm định, trả kết quả trực tuyến; áp dụng chữ ký số bắt buộc, tăng minh bạch và tiết kiệm thời gian.

Tăng giám sát trách nhiệm: Thiết lập cơ chế đánh giá tiến độ xử lý hồ sơ của từng đơn vị; công khai kết quả trên hệ thống điện tử, gắn với chế tài xử lý vi phạm.

4.3. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và hoàn thiện hạ tầng kết nối

Công tác GPMB và hạ tầng kết nối quyết định trực tiếp đến tiến độ triển khai. Một số giải pháp trọng tâm:

Đẩy nhanh GPMB: Rà soát ranh giới từ khâu quy hoạch, công khai thông tin cho dân; chính sách bồi thường, tái định cư phải phù hợp thị trường và đảm bảo sinh kế.

Tăng đối thoại xã hội: Thiết lập cơ chế đối thoại thường xuyên giữa chính quyền, nhà đầu tư và người dân; phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể để tạo đồng thuận.

Hoàn thiện hạ tầng kết nối: Ưu tiên xây dựng đường nối CCN với quốc lộ, cảng biển, khu công nghiệp lớn; đồng bộ điện, nước, viễn thông, xử lý nước thải trước khi vận hành.

Lồng ghép quy hoạch: Kết hợp quy hoạch CCN với giao thông – logistics của thành phố, gắn với chuỗi cung ứng và dịch vụ hỗ trợ, giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Ứng dụng công nghệ số: Sử dụng bản đồ số, cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống giám sát trực tuyến trong quản lý GPMB và hạ tầng.

4.4. Tăng cường quản lý môi trường và giám sát dự án

Bảo vệ môi trường là yếu tố sống còn trong phát triển CCN:

Quy định điều kiện môi trường: Chỉ cấp phép cho dự án có hệ thống xử lý nước thải tập trung và phương án xử lý chất thải rõ ràng. Báo cáo đầu tư mới phải gắn trách nhiệm giải trình của chủ đầu tư và cơ quan thẩm định.

Tăng cường kiểm tra, giám sát: Thực hiện thanh tra định kỳ và đột xuất; xử lý nghiêm, công khai các vi phạm môi trường.

Gắn trách nhiệm với nhà đầu tư: Nhà đầu tư vi phạm nhiều lần về môi trường cần bị thu hồi dự án, không cho tham gia CCN mới.

Ứng dụng công nghệ giám sát: Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, kết nối dữ liệu với cơ quan quản lý.

Xã hội hóa giám sát: Khuyến khích cộng đồng dân cư, hiệp hội doanh nghiệp và tổ chức xã hội tham gia giám sát độc lập, tạo áp lực minh bạch và phát hiện sớm vi phạm.

5. KẾT LUẬN

Công tác quản lý tiến độ triển khai các dự án đầu tư xây dựng CCN trên địa bàn thành phố Hải Phòng giữ vai trò then chốt trong thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Qua nghiên cứu cho thấy, thành phố đã đạt được nhiều kết quả tích cực như hình thành hệ thống CCN phân bố tương đối hợp lý, thu hút được doanh nghiệp thứ cấp, tạo thêm việc làm và đóng góp vào ngân sách. Tuy nhiên, tiến độ triển khai vẫn còn những hạn chế nhất định do vướng mắc về thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, năng lực của một số chủ đầu tư hạ tầng cũng như những bất cập trong quản lý môi trường.

Để nâng cao hiệu quả quản lý tiến độ và bảo đảm phát triển bền vững, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp trọng tâm gồm: tăng cường năng lực của chủ đầu tư hạ tầng, cải thiện cơ chế phối hợp và thủ tục hành chính, đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, hoàn

thiện hạ tầng kỹ thuật kết nối, đồng thời tăng cường quản lý môi trường và giám sát dự án. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần phát triển các CCN trên địa bàn thành phố Hải Phòng nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương.

6. TUYÊN BỐ VỀ ĐÓNG GÓP KHOA HỌC

Tác giả Trần Anh Toán: thực hiện việc xây dựng ý tưởng nghiên cứu chi tiết, thu thập và xử lý số liệu, phân tích kết quả và viết bản thảo.

Tác giả Phạm Văn Bộ: Đóng góp định hướng nghiên cứu, hỗ trợ về mặt lý thuyết và phương pháp, đồng thời hiệu chỉnh và hoàn thiện bản thảo.

Cả hai tác giả cùng thảo luận, thống nhất nội dung và chịu trách nhiệm chung về toàn bộ bài báo.

7. CAM KẾT VỀ MẪU THUẬN LỢI ÍCH

Các tác giả cam kết không có bất kỳ mâu thuẫn lợi ích nào liên quan đến nghiên cứu và công bố nghiên cứu này.

8. TỪ VIẾT TẮT (ABBREVIATIONS)

CCN: cụm công nghiệp

GPMB: giải phóng mặt bằng

DN SXKD: doanh nghiệp sản xuất kinh doanh

UBND: Ủy ban nhân dân

Tài liệu tham khảo:

- Chính phủ. (2024). Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Về quản lý, phát triển cụm công nghiệp
- Thủ tướng Chính phủ. (2023). Quyết định 1516/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2023 phê duyệt Quy hoạch Thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Thủ tướng Chính phủ. (2023). Quyết định số 1639/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025
- UBND. (2020). Quyết định 2552/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025
- Bộ Chính Trị. (2019). Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
- Bộ Chính Trị. (2022). Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.